

Bản án số: 326/2024/DS-ST
Ngày 27 tháng 12 năm 2024
V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.
- Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 779/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Chí T, sinh năm 1983; nơi thường trú: Tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1979; nơi thường trú: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; nơi ở hiện tại: Tổ G, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Chí T trình bày:

Vào ngày 07/8/2022, do chỗ quen biết nên ông T có cho ông Nguyễn Minh H vay số tiền 10.000.000 đồng để làm ăn, hứa vài tháng sẽ trả, không thỏa thuận thời hạn trả cụ thể, tiền lãi là 400.000 đồng/tháng, có làm giấy mượn tiền ngày 07/8/2022. Sau khi vay, ông H có trả lãi cho ông T đầy đủ từ ngày 07/8/2022 đến tháng 8/2024 đóng lãi được 24 tháng lãi = số tiền 9.600.000 đồng, và có đóng lãi tháng thứ 25 (tức lãi của tháng 9/2024 tính đến ngày 09/9/2024) ông H chỉ đóng lãi 200.000 đồng, sau đó thì

ngưng đóng lãi cho đến nay. Tổng cộng ông H đã đóng lãi được số tiền 9.800.000 đồng. Còn tiền vốn vay thì ông H còn nợ 10.000.000 đồng chưa trả.

Ông T đã nhiều lần yêu cầu ông H trả tiền nhưng ông H không thực hiện mà còn thách ông T thưa ra Tòa án. Do đó, ông T yêu cầu Tòa án buộc ông H trả cho ông T số tiền vốn vay 10.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 400.000 đồng/tháng trên số tiền vốn vay 10.000.000 đồng, tính kể từ ngày 23/9/2024 cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ án.

Ông T không thống nhất cho trả dần, yêu cầu ông H trả 01 lần dứt nợ vốn, lãi. Về tiền lãi thống nhất điều chỉnh lãi suất theo quy định pháp luật. Về việc vay tiền thì ông T cho cá nhân ông H vay, vợ ông H không có vay tiền của ông T.

Tại phiên hòa giải và đối chất ngày 10/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Minh H trình bày:

Ông H thống nhất vào ngày 07/8/2022, do chỗ quen biết nên ông H có vay của ông Hồ Chí T số tiền 10.000.000 đồng để làm ăn, hứa vài tháng sẽ trả, không thỏa thuận thời hạn trả cụ thể, tiền lãi là 400.000 đồng/tháng, có làm giấy mượn tiền ngày 07/8/2022. Sau khi vay, ông H có trả lãi cho ông T đầy đủ từ ngày 07/8/2022 đến tháng 8/2024 đóng lãi được 24 tháng lãi = 9.600.000 đồng và đóng lãi tháng thứ 25 (tức lãi của tháng 9/2024 tính đến ngày 09/9/2024) ông H đóng lãi 200.000 đồng, sau đó thì ngưng đóng lãi cho đến nay, do phía ông T không đến thu tiền lãi. Tổng cộng ông H đã đóng lãi được số tiền 9.800.000 đồng; còn tiền vốn vay thì ông H còn nợ 10.000.000 đồng chưa trả vốn.

Nay do hoàn cảnh khó khăn nên ông H xin được bỏ lãi và xin được trả dần hàng tháng đến khi trả hết số tiền vốn 10.000.000 đồng, tháng nào có nhiều trả nhiều, có ít trả ít, ông H sẽ trả nợ dao động từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng, hoặc có nhiều hơn sẽ trả nhiều hơn đến khi hết nợ. Về việc vay tiền thì chỉ cá nhân ông H vay, vợ ông H không có vay tiền của ông T.

Tại phiên tòa,

Ông T trình bày: Phù hợp với lời khai của ông T trước khi mở phiên tòa. Yêu cầu Tòa án buộc ông H trả tiền vốn vay 10.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật 20%/năm tính kể từ ngày 23/9/2024 (ngày khởi kiện) đến ngày xét xử, và tiếp tục tính lãi cho đến khi ông H trả dứt nợ. Yêu cầu ông H trả một lần, không đồng ý cho trả dần.

Ông H trình bày: Phù hợp với lời khai của ông H trước khi mở phiên tòa. Yêu cầu tính lại lãi suất theo quy định pháp luật là 20%/năm. Ông H xin được bỏ lãi và xin được trả dần hàng tháng cho đến khi trả hết nợ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T. Buộc ông H trả cho ông T số tiền nợ vay còn lại sau khi tính lại lãi suất theo quy định pháp luật, cụ thể là trả cho ông T số tiền nợ vay 3.203.290 đồng, trong đó bao

gồm: Vốn vay còn lại 3.044.794 đồng và tiền lãi tính từ ngày 23/9/2024 (ngày khởi kiện) đến ngày xét xử (27/12/2024) là 158.496 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với số tiền 7.317.258 đồng.

- Về án phí, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự về hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận tiền vay và lời khai của ông T, ông H để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[3] Về hợp đồng vay tài sản:

[3.1] Căn cứ vào biên nhận vay tiền do ông Tâm giao N cho Tòa án, lời khai thừa nhận của ông T và ông H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Vào ngày 07/8/2022, ông T có cho ông H vay số tiền 10.000.000 đồng để làm ăn; không thỏa thuận cụ thể về thời hạn trả; tiền lãi là 400.000 đồng/tháng (tương đương lãi suất 4%/tháng); có làm biên nhận vay tiền ngày 07/8/2022. Ông T cho cá nhân ông H vay, vợ ông H không có vay tiền của ông T. Sau khi vay ông H có trả lãi cho ông T đầy đủ hàng tháng từ ngày 07/8/2022 đến tháng 8/2024 đóng lãi được 24 tháng lãi = số tiền 9.600.000 đồng + đóng lãi tháng thứ 25 (tức lãi của tháng 9/2024 tính đến ngày 09/9/2024) ông H chỉ đóng lãi 200.000 đồng; tổng cộng ông H đã đóng lãi được số tiền 9.800.000 đồng; còn tiền vốn vay thì ông H chưa trả xong.

[3.2] Xét thấy, việc vay tiền giữa ông T và ông H có xảy ra trên thực tế, được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức của giao dịch bằng văn bản (thông qua biên nhận tiền), phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên. Do đó, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu ông H trả tiền nợ vay là có căn cứ. Tuy nhiên, các bên thỏa thuận về lãi suất vượt quá lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm), nên phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Hội đồng xét xử cần điều chỉnh lại lãi suất và tiền vốn, lãi như sau:

Vốn vay 10.000.000 đồng

Lần	Ngày	Tháng	Năm	Vốn vay còn lại (VNĐ)	Lãi đã nộp (4%/tháng) (VNĐ)	Lãi theo BLDS 2015 (20%/năm) (VNĐ)	Lãi nộp dư trừ vào vốn (VNĐ)
0	7	8	2022	10,000,000	0	0	0
1	7	9	2022	9,769,863	400,000	169,863	230,137
2	7	10	2022	9,530,464	400,000	160,600	239,400
3	7	11	2022	9,292,351	400,000	161,887	238,113
4	7	12	2022	9,045,102	400,000	152,751	247,249
5	7	1	2023	8,798,745	400,000	153,643	246,357
6	7	2	2023	8,548,203	400,000	149,458	250,542
7	7	3	2023	8,279,353	400,000	131,151	268,849
8	7	4	2023	8,019,989	400,000	140,636	259,364
9	7	5	2023	7,751,824	400,000	131,835	268,165
10	7	6	2023	7,483,499	400,000	131,675	268,325
11	7	7	2023	7,206,516	400,000	123,016	276,984
12	7	8	2023	6,928,928	400,000	122,412	277,588
13	7	9	2023	6,646,624	400,000	117,697	282,303
14	7	10	2023	6,355,884	400,000	109,260	290,740
15	7	11	2023	6,063,847	400,000	107,963	292,037
16	7	12	2023	5,763,527	400,000	99,680	300,320
17	7	1	2024	5,461,428	400,000	97,901	302,099
18	7	2	2024	5,154,197	400,000	92,769	307,231
19	7	3	2024	4,836,099	400,000	81,902	318,098
20	7	4	2024	4,518,247	400,000	82,147	317,853
21	7	5	2024	4,192,519	400,000	74,273	325,727
22	7	6	2024	3,863,735	400,000	71,215	328,785
23	7	7	2024	3,527,248	400,000	63,513	336,487
24	7	8	2024	3,187,163	400,000	59,915	340,085
25	9	9	2024	3,044,794	200,000	57,631	142,369
khởi kiện	23	9	2024	3,044,794	0	0	0
Tổng cộng				3,044,794	9,800,000	2,844,794	6,955,206
xét xử	27	12	2024	3,044,794 (I)	0	158,496 (II)	Lãi theo BLDS từ 23/9/2024 đến 27/12/2024 (Theo vốn vay 3.044.794 đồng)
				Vốn theo Tâm yêu cầu 10,000,000 (III)		520,548 (IV)	Lãi theo BLDS từ 23/9/2024 đến 27/12/2024 (Theo vốn vay 10.000.000 đồng)

Như vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc ông H phải trả cho ông T số tiền nợ vay tính kể từ ngày khởi kiện 23/9/2024 đến ngày xét xử 27/12/2024 là: (I) + (II) = 3.044.794 đồng + 158.496 đồng = 3.203.290 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông T yêu cầu ông H trả vốn 10.000.000 đồng (III) và nợ lãi theo quy định pháp luật tính kể từ ngày khởi kiện 23/9/2024 đến ngày xét xử 27/12/2024 trên số vốn 10.000.000 đồng = 520.548 đồng, tổng cộng (III) + (IV) = 10.520.548 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với số tiền (10.520.548 đồng – 3.203.290 đồng) = 7.317.258 đồng.

[4] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 92, 147, 227, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 117, 118, 119, 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Chí T về việc yêu cầu Nguyễn Minh H trả nợ vay đối với số tiền 7.317.258 đồng (Bảy triệu ba trăm mười bảy nghìn hai trăm năm mươi tám đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Chí T về việc yêu cầu ông Nguyễn Minh H trả nợ vay.

Buộc ông Nguyễn Minh H có trách nhiệm trả cho ông Hồ Chí T số tiền nợ vay tổng cộng là 3.203.290 đồng (Ba triệu hai trăm lẻ ba nghìn hai trăm chín mươi đồng), trong đó bao gồm:

- Tiền vốn vay: 3.044.794 đồng (Ba triệu không trăm bốn mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng)

- Tiền lãi tính kể từ ngày khởi kiện 23/9/2024 đến ngày xét xử 27/12/2024: 158.496 đồng (Một trăm năm mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi sáu đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hồ Chí T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 365.000 đồng (Ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009004 ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Ông T còn phải nộp thêm số tiền án phí còn lại là 65.000 đồng (Sáu mươi lăm nghìn đồng).

Ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Ông Hồ Chí T và ông Nguyễn Minh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi

nhận:

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- CCTHADS huyện Châu Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

Nguyễn Duy Linh